

Số: **100** /2023/HS-ST

Ngày: 18/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

Thẩm phán: Ông **Trần Minh Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Hưng**

Bà **Nguyễn Thị Hà**

Ông **Đặng Công Thắng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Tùng Lâm** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà **Võ Hồng Thắng** - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 18 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Trụ sở UBND phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 113/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Thị Lệ T (Tên gọi khác: *Hồng*), sinh ngày xx/xx/19xx tại Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: Số Kxxx/x Lê D, tổ xx phường Tân C, quận Thanh K, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa giáo; Con ông Trần Văn B và bà Phùng Thị N (*đều đã chết*); Có chồng là Nguyễn Đình Q và có 04 con (*lớn nhất sinh năm 19xx nhỏ nhất sinh năm 20xx*); Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2023. Bị cáo hiện đang bị tạm giam. Có mặt tại phiên tòa

* *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Lệ T:* Ông **Bùi Xuân Nam** – Luật sư Công ty luật TNHH MTV Anh Nam Tộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà **Nguyễn Thị Nhật Q**, sinh năm 19xx; Trú tại: Số xxx/x Lê D, tổ xx, phường Tân C, quận Thanh K, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2/ Ông **Nguyễn Đình Q**, sinh năm 2004; Trú tại: Số xxx/x Lê D, phường Tân C, quận Thanh K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3/ Cháu **Trần Quang H**, sinh năm 2008; Trú tại: xxx/xx Lê D, phường Tân C, quận Thanh K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

Người giám hộ cho cháu Trần Quang H:* Ông **Nguyễn Văn T, sinh năm 1951; Trú tại: xxx/xx Lê D, phường Tân C, quận Thanh K, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

** Người làm chứng:*

1/ Ông **Nguyễn Thanh T** sinh năm 20xx; Trú tại: Tổ xx, phường Xuân H, quận Thanh K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2/ Ông **Nguyễn Duy Đ** sinh năm 19xx; Trú tại: Tổ xx, phường Xuân H, quận Thanh K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3/ Ông **Trần Xuân H** sinh năm 20xx; Trú tại: Tổ xx, phường Xuân H, quận Thanh K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 21 giờ 00 phút ngày 04/01/2023, tại trước số nH xxx/x Trần Cao V, phường Xuân H, quận Thanh K, TP Đà Nẵng. Đội Cảnh sát Điều tra tội phạm ma túy Công an quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Thị Lệ T về Hình vi “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Tang vật T giữ gồm: 06 (sáu) gói ni lông kích thước (03 x 3,5)cm, bên trong chứa chất tinh thể rắn màu trắng, niêm phong (**ký hiệu: G1**); 06 (sáu) mảnh giấy trắng màu đỏ.

Lúc 22 giờ 15 phút ngày 04/01/2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng thi Hành Lệnh khám xét khẩn cấp số 02 đối với chỗ ở của Trần Thị Lệ T tại địa chỉ: Kxxx/x Lê D, phường Tân C, quận Thanh K, TP Đà Nẵng.

Tang vật T giữ gồm: 17 (mười bảy) gói giấy màu trắng, đỏ bên trong mỗi gói giấy đều chứa một bao ni lông kích thước khoảng (03 x 3,5)cm, bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng, niêm phong (**ký hiệu: G2**); 01 (một) gói ni lông kích thước khoảng (03 x 3,5)cm và 01 (một) gói ni lông kích thước khoảng (04 x 07)cm, bên trong đều chứa tinh thể rắn màu trắng, niêm phong (**ký hiệu: G3**); 01 (một) bao ni lông màu Đ có 02 (hai) tờ giấy lịch, bên trong mỗi tờ giấy đều chứa 01 (một) gói ni lông kích

thước (04 x 07)cm chứa tinh thể màu trắng, niêm phong (**ký hiệu: G4**); 01 (một) bình nhựa có gắn nổ thủy tinh và ống hút nhựa; 01 (một) vỏ bao Tót lá màu xanh hiệu KENT; 06 (sáu) vỏ bao ni lông kích thước (3 x 3,5)cm; 20 (hai mươi) mảnh giấy trắng màu đỏ; 01 (một) hộp nhựa màu Đ không rõ hiệu kích thước (13 x 7)cm; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng, số Imei 353289072579719, gắn sim số 056391xxxx; 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi màu Đ, số Imei 860978052741234100, gắn sim 1 số 034586xxxx, gắn sim 2 số 093552xxxx; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu Đ, số Imei 353823088337942, gắn sim số 089991xxxx; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh, số Imei 869571058646696, gắn sim số 078868xxxx; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu Đ, số seri 356819638715063, gắn sim số 036703xxxx.

Tại thời điểm khám xét trong nhà có Nguyễn Đình Q (sinh năm 2004) và Nguyễn Thị Nhật Q (sinh năm 1993) cùng trú tại tổ xx, phường Tân C, quận Thanh K, TP Đà Nẵng là con ruột của bà Trần Thị Lệ T có biểu hiện nghi vấn nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng mời về làm việc.

Lúc 23 giờ 40 phút ngày 04/01/2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp số 03 đối với chỗ cất đồ của Trần Thị Lệ T tại địa chỉ Kxxx/xx Lê D, phường Tân C, quận Thanh K, TP Đà Nẵng.

Tang vật thu giữ gồm: 04 (bốn) gói ni lông kích thước khoảng (04 x 07)cm, bên trong đều chứa tinh thể màu trắng, niêm phong (**ký hiệu: G5**); 03 (ba) gói ni lông kích thước khoảng (04 x 07)cm, bên trong đều chứa tinh thể màu trắng, niêm phong (**ký hiệu: G6**); 01 (một) gói ni lông kích thước khoảng (06 x 09)cm, bên trong đều chứa tinh thể màu trắng, niêm phong (**ký hiệu: G7**); 01 (một) gói ni lông chứa 44 (bốn mươi bốn) viên nén hình tròn màu xanh nhạt, trên mặt mỗi viên nén in chữ “VL”, niêm phong (**ký hiệu: G8**); 05 (năm) mảnh giấy báo màu trắng đỏ; 01 (một) bao ni lông màu Đ và 01 (một) cân điện tử màu Đ có chữ “POCKET SCALE”.

* Tại Kết luận giám định số: 51/KLMT-KTHS ngày 13/01/2023 của Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an TP Đà Nẵng, kết luận:

- Tinh thể rắn màu trắng trong các gói ni lông niêm phong (**ký hiệu G1, G2, G3, G4, G5, G6**) gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine. Khối lượng mẫu gửi giám định: **G1: 2,266gam; G2: 5,944gam; G3: 1,751gam; G4: 16,348gam; G5: 40,676gam; G6: 28,433gam.**

- Tinh thể rắn màu trắng trong gói ni lông niêm phong (**ký hiệu G7**) gửi giám định là ma túy, loại Ketamine. Khối lượng mẫu gửi giám định: **G7: 23,940gam.**

- Viên nén hình tròn màu xanh nhạt, trên mặt mỗi viên nén có chữ “VL” trong gói niêm phong (**ký hiệu G8**) gửi giám định là ma túy, loại MDMA. Khối lượng mẫu gửi giám định: **G8: 14,744gam**.

** Quá trình điều tra xác định:*

Trần Thị Lệ T là người không có việc làm nhưng muốn có tiền tiêu xài cá nhân. T qua mối quan hệ xã hội, T quen biết với hai nam thanh niên tên L và Đ (*không rõ nhân thân, lai lịch*) có bán ma túy. Khoảng đầu tháng 10/2022, L và Đ đến nhà của T tại địa chỉ xxx/x Lê D, phường Tân C, quận Thanh K, TP Đà Nẵng nhờ T cất giữ và bán giúp 01 (*một*) gói ma túy loại Ketamine và 44 (*bốn mươi bốn*) viên ma túy thuốc lắc. T đồng ý và nhận số ma túy nêu trên bỏ vào hộp thuốc lá, sau đó bỏ cùng với đồ sinh hoạt cá nhân rồi cất giấu tại nhà để bán, nhưng chưa bán được. Đến khoảng ngày 28/12/2022, Đ liên lạc qua điện thoại gặp T (*T không nhớ số điện thoại*), T báo cho T biết Đ đang có số ma túy đá với giá 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*), nếu T mua thì Đ sẽ để lại cho T. T đồng ý mua nhưng thỏa Tận trả trước 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) và nợ 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) sẽ trả sau. Đ đồng ý và hẹn T đến khu vực Bệnh viện Phụ Sản Đà Nẵng để giao dịch. T đến điểm hẹn, giao tiền trực tiếp và nhận 02 (*hai*) gói ma túy từ Đ. T đem về nhà phân chia thành 10 (*mười*) gói to và 26 (*hai sáu*) gói nhỏ. Tối ngày 03/01/2023, T lấy 07 (*bảy*) gói ma túy to bỏ vào bao ni lông Đ cùng với số ma túy của L và Đ gửi nhờ bán rồi đem qua nhà Trần Quang H (*là bạn của Nguyễn Đình Q con ruột của T*) nhờ cất giấu. H đồng ý và T đã cất giấu tại ngăn thứ ba từ trên xuống của tủ nhựa trong nhà H, đồng thời cho H 20.000 đồng (*hai mươi nghìn đồng*). H không biết bên trong có chứa ma túy. T lấy 02 (*hai*) gói ma túy to bỏ vào bao ni lông Đ bỏ vào hộp tam giác màu Đ cất giấu dưới chân cầu thang. Số ma túy còn lại T bỏ vào bao Tóc lá KENT cất giấu tại phòng ngủ của T. Mục đích T mua ma túy về phân chia nhỏ để bán kiếm lợi nhuận. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 04/01/2023, khi T đang ở nhà thì có một nam thanh niên (*không rõ nhân thân, lai lịch, không nhớ số điện thoại*) gọi điện hỏi mua 06 (*sáu*) gói ma túy đá, hẹn giao đến đầu đường xxx Trần Cao V, TP Đà Nẵng. T đồng ý cất 06 (*sáu*) gói ma túy vào túi áo khoác bên phải và đi xe Grab đến chỗ hẹn. Khi đến nơi T đang chờ bán ma túy cho người mua thì bị lực lượng chức năng Công an phát hiện, bắt quả tang T giữ số ma túy trong áo khoác. Số ma túy còn lại chưa kịp bán hết cũng bị T giữ khám xét tại nhà ở của T và nhà số xxx/xx Lê D, phường Tân C, quận Thanh K, TP Đà Nẵng.

Phương thức, thủ đoạn khi phạm tội: Khi có khách liên hệ mua ma túy, T sẽ thống nhất giá cả, số lượng rồi hẹn thời gian, địa điểm để giao dịch mua bán ma túy. Để tránh bị phát hiện, T còn xóa cuộc gọi trên máy điện thoại liên quan đến hoạt động mua bán ma túy.

Ngoài lần mua bán ma túy bị bắt quả tang, Trần Thị Lệ T còn thừa nhận ngày 02/01/2023, T bán 02 (hai) lần cho hai nam thanh niên giá bán mỗi lần 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). T không nhớ được số điện thoại và nhân thân, lai lịch của hai thanh niên này.

Quá trình điều tra, Trần Thị Lệ T đã khai nhận hành vi phạm tội, mục đích mua bán ma túy để kiếm lời.

Tại Bản cáo trạng số 134/CT-VKS-P1 ngày 23/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố Trần Thị Lệ T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Lệ T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản Cáo trạng truy tố đối với bị cáo là đúng pháp luật, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo có điều kiện cải tạo tốt, sớm được về với gia đình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Trần Thị Lệ T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Trên cơ sở phân tích đánh giá tính chất vụ án, Hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân bị cáo, qua đó đề nghị HĐXX như sau;

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị Lệ T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Về hình phạt:

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 BLHS.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Lệ T: **20 (hai mươi) năm tù.**

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 251 BLHS phạt tiền bị cáo từ 10.000.000đ (Mười triệu đồng) đến 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 BLHS buộc bị cáo T nộp lại số tiền 400.000đ (Bốn trăm ngàn đồng) do T lợi bất chính để sung vào ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS xử lý như đã đề cập trong nội dung bản cáo trạng truy tố theo quy định của pháp luật.

- Luật sư Bùi Xuân Nam người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Lệ T có quan điểm luận cứ bào chữa như sau: Hoàn toàn thống nhất về tội danh, điểm, khoản, điều luật mà Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố đối với bị cáo Trần Thị Lệ T là đúng pháp luật, nên không có tranh luận về tội danh. Tuy nhiên, luật

sư cho rằng khi quyết định hình phạt đề nghị HĐXX cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tự thú khai ra các lần phạm tội trước đó chưa bị phát hiện, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị cáo hiện đang bị bệnh suy tim/ hở van hai lá nặng, chồng bị cáo ông Nguyễn Đình Q có một thời gian tham gia trong quân đội nhân dân Việt Nam được Bộ Quốc phòng tặng Bằng khen: Với những tình tiết nêu trên, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm r,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để quyết định cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Luật sư và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về Hành vi, quyết định của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng. Sau khi kiểm tra và đánh giá, Hội đồng xét xử xác định các Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên là hợp pháp, đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về Hành vi phạm tội của bị cáo: Qua xem xét lời khai nhận của bị Trần Thị Lệ T trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa; Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; Kết luận giám định; Quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát; Luận cứ bào chữa của Luật sư cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trần Thị Lệ T quen biết với hai đối tượng tên Đ và L (*đều không rõ nhân thân lai lịch*) ngoài xã hội, là đối tượng bán ma túy, tháng 10/2022 các đối tượng Đ và L đến nhà bị cáo đang ở nhờ cất giữ và bán 01(*một*) gói ma túy loại ketamine và 44 (*bốn mươi bốn*) viên ma túy thuốc lắc, bị cáo đồng ý và nhận số ma túy nói trên cất giữ tại nhà để bán nhưng chưa bán được, tiếp đến ngày 28/12/2022 đối tượng Đ bán cho bị cáo 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) ma túy đá giao dịch tại khu vực Bệnh viện Phụ sản Đà Nẵng, Sau khi mua được số lượng ma túy nói trên bị cáo mang về nhà ở của mình phân ra thành nhiều gói nhỏ lẻ cất giấu tại nhà ở của mình và nhờ H (*cháu ông T*) cất giấu giúp tại nhà của ông T với mục đích bán lại cho các đối tượng nghiện ma túy khi có nhu cầu nhằm kiếm lợi nhuận; Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 04/01/2023 có một nam thanh

niên (*không rõ lai lịch*) điện thoại hỏi mua của bị cáo 06 (*sáu*) gói ma túy với giá mỗi gói 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) và hẹn giao dịch tại đầu kiệt số xxx Trần Cao V, phường Xuân H, quận Thanh K, thành phố Đà Nẵng bị cáo đồng ý, sau đó bị cáo cất giấu 06 (*sáu*) gói ma túy vào túi áo khoác đi đến điểm hẹn để giao dịch, nhưng khi chưa kịp giao dịch với người mua ma túy thì bị lực lượng Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát hiện bắt quả tang giữ vật chứng (ma túy) trong áo khoác, sau đó cơ quan điều tra tiếp tục khám xét nơi ở của bị cáo và nhà của ông T (*ông của H*) T giữ thêm nhiều gói ma túy và các vật chứng khác liên quan đến việc mua bán ma túy; Tại kết luận giám định số: 51/KLMT-KTHS ngày 13/01/2023 của Phòng KTHS Công an tHnh phố Đà Nẵng kết luận Tổng khối lượng các chất ma túy bị cáo mua bán là: 134,102 gam (*Trong đó 95,418 gam loại Methamphetamine, 14,744 gam loại MDMA và 23,940 gam loại Ketamine*).

[2.1] Xét khối lượng các loại chất ma túy bị cáo mua bán từ 100gam trở lên là Tội tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 251 BLHS; Do đó, Bản cáo trạng số: 134/CT-VKS-P1 ngày 23/10/2023 của VKSA nhân dân tHnh phố Đà Nẵng truy tố bị cáo với tình tiết định khung điểm h khoản 4 Điều 251 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất của vụ án, mức độ Hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và việc quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thị Lệ T là Thuộc trường hợp đặt biệt nghiêm trọng bởi lẽ: Ma túy là loại độc dược gây nghiện do nhà nước độc quyền quản lý, vì vậy nhà nước ta nghiêm cấm mọi Hành vi tàng trữ, mua bán, vận chuyển....các chất ma túy dưới bất cứ hình thức nào đều bị pháp luật trừng trị và xử lý tùy theo tính chất, mức độ do Hành vi trái pháp luật đó gây ra, bị cáo T có đầy đủ nhận thức được điều đó, song vì muốn có tiền tiêu xài cho nhu cầu mục đích của bản thân bị cáo đã bất chấp sự trừng trị của pháp luật lén lút thực hiện Hành vi mua bán trái phép các chất ma túy nhiều lần với khối lớn 134,102 gam ma túy các loại. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của nhà nước ta về các chất ma túy, đồng thời còn gây ra ảnh hưởng rất xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội trên địa bàn thành phố, nên việc các cơ quan tiến Hnh tố tụng bắt khởi tố, điều tra, truy tố bị cáo ra trước pháp luật để xử lý răn đe đối với bị cáo và phòng chung cho xã hội là cần thiết.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo phạm tội từ 02 (*hai*) lần trở lên, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS để áp dụng khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự thú khai ra việc mua bán

trái phép chất ma túy trước đó chưa bị phát hiện, hoàn cảnh gia đình của bị cáo có khó khăn, có chồng tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam được Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng tặng Bằng Khen, bản thân bị cáo hiện đang bị bệnh suy tim/hở vang hai lá nặng, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để áp dụng khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[3.4] *Về quyết định hình phạt:* Xét bị cáo T phạm tội Thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng có khung hình phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình, vì vậy đối với bị cáo cần có mức hình phạt nghiêm khắc tiếp tục cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian dài mới đủ sức răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội như đề nghị của đại diện VKS tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Xét luận cứ bào chữa của Luật sư người bào chữa cho bị cáo T tại phiên tòa về việc đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS là có căn cứ như nhận định tại tiêu mục [3.3] nêu trên nên HĐXX ghi nhận, tuy nhiên việc luật sư đề nghị áp dụng cho bị cáo T mức hình phạt tù dưới mức thấp nhất của đại diện VKS đề nghị là không phù hợp nên không chấp nhận.

[5] *Về hình phạt bổ sung:* Tại phiên tòa đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng khoản 5 các điều 251 BLHS phạt tiền bổ sung đối với bị cáo từ 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) đến 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước, xét đề nghị này của đại diện VKS là có căn cứ nên ghi nhận; Do đó HĐXX phạt bổ sung bị cáo T số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

[6] *Về biện pháp tư pháp:* Quá trình mua bán trái phép chất ma túy bị cáo T lợi bất chính số tiền 400.000đ (*Bốn trăm ngàn đồng*); Vì vậy, căn cứ vào điều 46 BLHS buộc bị cáo nộp lại số tiền T lợi bất chính này để sung vào ngân sách nhà nước.

[7] *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý như sau:

[7.1] Đối với các vật chứng sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng, thì tịch thu tiêu hủy.

[7.2] Vật chứng có giá trị sử dụng thì tịch thu bán hóa giá sung vào ngân sách nhà nước.

[7.3] Vật chứng không có liên quan đến việc phạm tội nhưng thuộc sở hữu của bị cáo thì tiếp tục quy trở tạm giữ, đảm bảo việc thi hành án,

[7.4] Vật chứng không có liên quan đến việc phạm tội nhưng thuộc sở hữu của người khác thì trả lại cho chủ sở hữu sử dụng.

[8] *Những vấn đề có liên quan.*

[8.1] Đối với Đ và L là đối tượng giữ và bán ma túy cho bị cáo và 02 nam thanh niên mua ma túy của bị cáo (*hiện không rõ nhân thân lai lịch*), cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh làm rõ xử lý sau nên HĐXX không đề cập đến.

[8.2] Đối với Nguyễn Nhật Q và Nguyễn Đình Q (*con ruột bị cáo*) không biết việc bị cáo cất giấu ma túy trong nhà để mua bán, cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự là có căn cứ, và việc xử lý Hành chính đối với bà Quỳnh về Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt tiền 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) là đúng pháp luật; nên HĐXX cũng không đề cập đến.

[8.3] Đối với Trần Quang H (*là người chưa thành niên*) không biết bị cáo nhờ cất giấu ma túy trong nhà của ông T (*ông của H*), cơ quan điều tra không xử trách nhiệm hình sự là phù hợp, nên HĐXX cũng không đề cập đến.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo:

[9.1] Về án phí: Bị cáo Trần Thị Lệ T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9.2] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

I. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Trần Thị Lệ T** phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

II. Về hình phạt:

2.1. Hình phạt chính: Căn cứ điểm h khoản 4, điểm g khoản 1 Điều 52, các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Thị Lệ T: 20 (hai mươi)** năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 04/01/2023.

2.2. Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 251 BLHS.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Thị Lệ T số tiền **15.000.000đ** (*Mười lăm triệu đồng*) để sung vào ngân sách nH nước.

III. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 BLHS buộc bị cáo Trần Thị Lệ T nộp lại số tiền T lợi bất chính **400.000đ** (*Bốn trăm ngàn đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước.

IV. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

4.1. Tịch thu tiêu hủy các vật chứng không có giá trị sử dụng gồm: 01 (một) mẫu vật hoàn trả (ma túy) sau giám định số 51/KL-KTHS ngày 13/01/2023 của Phòng KTHS Công an thành phố Đà Nẵng; 06 (sáu) sim điện thoại số: 056391xxxx; 034586xxxx; 093552xxxx; 089991xxxx; 078868xxxx; 036703xxxx; 31 (ba mươi mốt) mảnh giấy báo màu trắng đỏ; 01 (một) bình nhựa có gắn nổ thủy tinh và ống hút nhựa; 01 (một) vỏ bao Tộc lá màu xanh hiệu KENT; 06 (sáu) vỏ bao ni lông kích thước (3x3,5)cm; 01 (một) bao ni lông màu Đ; 01 (một) cân điện tử màu Đ có chữ “POC KET SCALE” và 01 (một) hộp nhựa màu Đ không rõ hiệu lịch thước (13 x 7)cm.

4.2. Tịch T sung vào ngân sách nhà nước vật chứng sử dụng vào việc phạm tội của bị cáo gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu Đ, số seri 356819638715063.

4.3. Tiếp tục quy trừ tạm giữ của bị cáo T các vật chứng gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu Đ, số Imei 353823088337942 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh, số Imei 869571058646696 nhằm đảm bảo cho việc thi Hình án;

4.4. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Nhật Q các vật chứng gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng, số Imei 353289072579719 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi màu Đ, số Imei 860978052741234100.

V. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Thị Lệ T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

VI. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATP Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Trại giam Công an TP Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Vĩnh Chuyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATP Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Trại giam Công an TP Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Vĩnh Chuyển

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV- CATPĐN;
- PC 45 - CA TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS – Công an Tp Đà Nẵng;
- Trại giam Hoà Sơn;
- Những người tham gia tổ tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Long